

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Lắp đặt hệ thống điện tự động (228332) - Nhóm 01**

CBGD: **Đỗ Phương Nam (280005)**

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 2.1

Số tờ giấy thi: 2.1

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Đỗ Phương Nam</i>	<i>Ngô Việt Khoa</i>	<i>Đỗ Phương Nam</i>	<i>Ngô Việt Khoa</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121150012	BÙI LONG BẠCH	16/11/2003	CCQ2115A			<i>Long</i>	5,5	6,5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121150061	NGUYỄN HOÀNG CHUNG	24/03/2001	CCQ2115B							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121150032	LÊ VĂN CƯỜNG	28/09/2003	CCQ2115A			<i>Cường</i>	6,5	6	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121150029	TRƯƠNG CÔNG DIÊN	02/12/2002	CCQ2115A			<i>Diên</i>	7	7	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121150051	LÊ KHÁNH DUY	14/11/2003	CCQ2115B			<i>Duy</i>	6	7	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121150004	NGÔ VĂN HIỆP	26/01/2003	CCQ2115A			<i>Hiệp</i>	7	7	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121150001	MẠC DUY HOÀNG	28/07/2003	CCQ2115A			<i>Hoàng</i>	5	5	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121150009	ĐÀO DUY HUY	28/03/2003	CCQ2115A			<i>Huy</i>	8	9	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121150035	NGUYỄN QUỐC HUY	28/02/2003	CCQ2115A			<i>Quốc</i>	7,5	7	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121150002	VÕ NHẬT HUY	11/10/2003	CCQ2115A			<i>Nhật</i>	7	7	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121150036	PHẠM ĐĂNG KHOA	22/07/2003	CCQ2115B			<i>Khoa</i>	5,5	7,5	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121150019	TRƯƠNG ĐÌNH LINH	09/07/2003	CCQ2115A			<i>Linh</i>	7	6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121150026	TRẦN BẢO LỢI	03/02/1996	CCQ2115A			<i>Bảo</i>	8	8,5	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121150005	HOÀNG THỊ THU MAI	13/04/2003	CCQ2115A			<i>Thu</i>	7	7	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121150034	LÊ HUỖNH CÔNG MẾN	02/10/2003	CCQ2115A							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121150006	NGUYỄN VĂN TUẤN NHẬT	12/08/2003	CCQ2115A							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121150022	NGUYỄN THÀNH PHONG	19/11/2003	CCQ2115A			<i>Thành</i>	5,5	7	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121150016	LÃNG MINH PHƯƠNG	20/01/2003	CCQ2115A			<i>Minh</i>	7,0	9	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121150027	VŨ NGUYỄN NHẬT THANH	16/12/2000	CCQ2115A							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121150038	VÕ CHIẾN THẮNG	08/04/2003	CCQ2115B			<i>Thắng</i>	6	7	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Lắp đặt hệ thống điện tự động (228332) - Nhóm 01**

CBGD: **Đỗ Phương Nam (280005)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Đỗ Phương Nam</i>	<i>Ng Việt Khoa</i>	<i>Đỗ Phương Nam</i>	<i>Ng Việt Khoa</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121150021	NGUYỄN KIM TIẾN	15/09/2003	CCQ2115A			<i>Tiến</i>	5	5	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121150010	NGUYỄN QUỐC VĂN	01/12/2003	CCQ2115A			<i>Văn</i>	7,5	8	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121150053	TRẦN TRUNG VĨNH	23/05/2003	CCQ2115B			<i>Vinh</i>	5,5	7	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121150015	TRẦN XUÂN VŨ	27/08/2003	CCQ2115A			<i>Vũ</i>	6	7,5	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

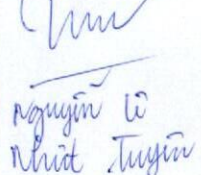
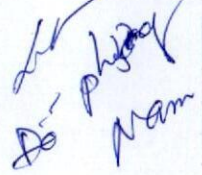
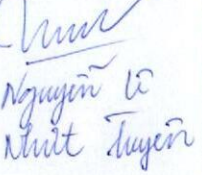
Môn học: **Lắp đặt hệ thống điện tự động (228332) - Nhóm 02**

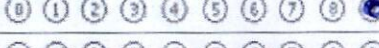
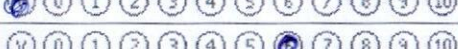
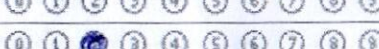
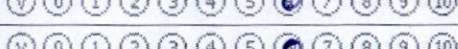
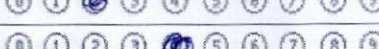
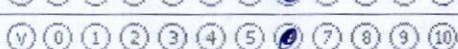
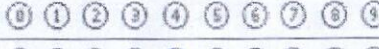
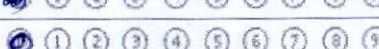
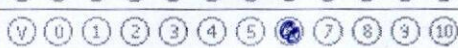
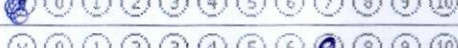
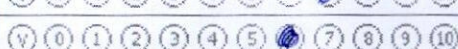
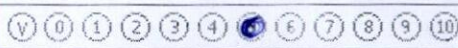
CBGD: **Đỗ Phương Nam (280005)**

Số SV có mặt: 17

Số bài thi: 17

Số tờ giấy thi: 17

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121150003	PHẠM HOÀNG ANH	13/10/2002	CCQ2115A				6	5	5,4		
2	2121150007	VŨ HOÀI BẢO	24/07/2003	CCQ2115A				5	6,5	5,9		
3	2121150059	BÙI NGỌC BẢO	08/07/2003	CCQ2115B								
4	2121150057	TẠ QUANG HẢI	11/10/2002	CCQ2115B				6,5	6	6,2		
5	2121150046	NGUYỄN CÔNG ĐỨC	25/01/2003	CCQ2115B				5	4,5	5		
6	2121150008	NGUYỄN VĂN HÒA	20/10/2003	CCQ2115A				6	6,3	6,2		
7	2121150011	HOÀNG ĐỨC HUY	09/05/2003	CCQ2115A				7	5	6,4		
8	2121150013	NGUYỄN LÊ ĐỨC HUỐNG	13/12/2003	CCQ2115A				7	6	6,4		
9	2121150052	LƯU ĐỨC KHANG	10/06/2003	CCQ2115B				5	5	5,6		
10	2121150023	TRẦN HÀN SĨ	13/10/2003	CCQ2115A								
11	2121150048	PHAN THÀNH NHÂN	18/10/2003	CCQ2115B				6	5	5,4		
12	2121150049	TRẦN DANH NHÂN	27/02/2003	CCQ2115B				6	5	6,0		
13	2121150031	TRẦN THANH PHÚ	07/03/2003	CCQ2115A				6,0	4,3	5,0		
14	2121150037	ĐÀO MINH PHƯỚC	29/06/2002	CCQ2115B				6,5	6,3	6,4		
15	2121150020	ĐẶNG MINH PHƯƠNG	15/11/2003	CCQ2115A				5	5	5,6		
16	2121150045	VÕ QUỐC THẮNG	30/11/2003	CCQ2115B				6	6	6,0		
17	2121150025	NGUYỄN NGỌC THIÊN	16/02/2003	CCQ2115A								
18	2121150050	NGUYỄN TRUNG TRÍ	31/12/2003	CCQ2115B				7	7	7,0		
19	2121150028	PHÙNG NINH ANH	02/11/2003	CCQ2115A				6	6,3	6,2		
20	2121150064	NGUYỄN ĐÌNH TÚ	09/09/2002	CCQ2115B				5	5	5,0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

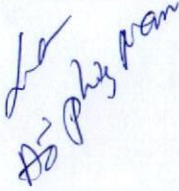
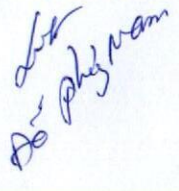
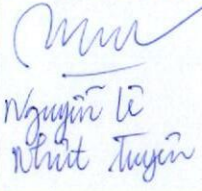
Môn học: **Lắp đặt hệ thống điện tự động (228332) - Nhóm 02**

CBGD: **Đỗ Phương Nam (280005)**

Số SV có mặt:17.....

Số bài thi:17.....

Số tờ giấy thi:17.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121150054	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	08/09/2002	CCQ2115B							 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121150055	PHẠM VĂN VŨ	18/06/2002	CCQ2115B							 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9